

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1417 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Văn bản số 53/TTr-KKT ngày 20/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 42 (bốn mươi hai) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế các Quyết định: số 3570/QĐ-UBND ngày 12/12/2016; số 1898/QĐ-UBND ngày 05/7/2017 và số 2583/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.



Đặng Quốc Khánh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH HÀ TĨNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1417~~ 70Đ-UBND ngày 14/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----------|---|--|---|-------------|--|
| I | LĨNH VỰC ĐẦU TƯ (26 TTHC) | | | | |
| 1 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh Hà Tĩnh thông báo kết quả cho nhà đầu tư. | Trung tâm Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, Đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh). hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý KKT tỉnh Hà Tĩnh (1. Địa chỉ Trụ sở chính tại Khu hành chính Dịch vụ hậu cảng xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh; 2. Khối phố 5, thị trấn Tây Sơn, | Không | - Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | | huyện Hương Sơn) | | |
| 2 | Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Ban Quản lý KKT tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. | Như trên | Không | Như trên |
| 3 | Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp | Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội | Như trên | Không | Như trên |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--------------------|-------------|----------------|
| | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | | | | |
| 4 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | <p>1. Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý KKT tỉnh gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý KKT tỉnh, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan liên quan, Ban Quản lý KKT tỉnh lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình UBND tỉnh; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý KKT tỉnh, UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư và gửi cho Ban Quản lý KKT tỉnh. <p>2. Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý | Như trên | Không | Như trên |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Cơ sở pháp lý |
|----|---------------------------------|---|--------------------|-------------|---------------|
| | | <p>KKT tỉnh gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để lấy ý kiến về các nội dung điều chỉnh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý KKT tỉnh, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình; - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý KKT tỉnh | | | |
| | | <p>trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh và Ban Quản lý KKT tỉnh. | | | |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Như trên | Không | Như trên |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--------------------|-------------|----------------|
| | tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | | | | |
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | <p>1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý KKT tỉnh. | Như trên | Không | Như trên |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Ban Quản lý KKT tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư. 2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan | | | |
| | | <ul style="list-style-type: none"> nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Ban Quản lý KKT tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | - Ban Quản lý KKT tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư. 3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội. | | | |
| 7 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Như trên | Không | Như trên |
| 8 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Như trên | Không | Như trên |
| 9 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý KKT tỉnh gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý KKT tỉnh, các cơ quan được lấy ý kiến có ý | Như trên | Không | Như trên |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--------------------|-------------|----------------|
| | cấp tỉnh | <p>kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan nêu trên, Ban Quản lý KKT tỉnh lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý KKT tỉnh, UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Ban Quản lý KKT tỉnh điều chỉnh Giấy | | | |
| | | <p>chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.</p> | | | |
| 10 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý KKT tỉnh gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý KKT tỉnh, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý KKT tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung | Như trên | Không | Như trên |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>điều chỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư. | | | |
| 11 | Chuyển nhượng dự án đầu tư | <p>1. Đối với dự án thuộc một trong các trường hợp: (i) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư, (ii) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý KKT tỉnh xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư để điều chỉnh Giấy chứng | Như trên | Không | Như trên |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>nhận đăng ký đầu tư</p> <p>2. Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý KKT tỉnh gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý KKT tỉnh, các cơ quan được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình. | | | |
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ban Quản lý KKT tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có). - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <p>3. Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý KKT tỉnh gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý KKT tỉnh, các cơ quan được gửi hồ sơ xin ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình; - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý KKT tỉnh lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án trình UBND tỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban Quản lý KKT tỉnh, UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; - Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư. + Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 03 ngày làm | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư. | | | |
| 12 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
| 13 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
| 14 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư đối với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | Như trên | Không | Như trên |
| 15 | Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư. | Như trên | Không | Như trên |
| 16 | Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Ngay khi nhà đầu tư nộp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Như trên | Không | Như trên |
| 17 | Giãn tiến độ đầu tư | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất của nhà đầu tư. | Như trên | Không | Như trên |
| 18 | Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư | Ngay khi tiếp nhận thông báo. | Như trên | Không | Như trên |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--------------------|---|----------------|
| | tư | | | | |
| 19 | Châm dứt hoạt động của dự án đầu tư | Ngay khi tiếp nhận hồ sơ. | Như trên | Không | Như trên |
| 20 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. | Như trên | Không | Như trên |
| 21 | Châm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
| 22 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. | Như trên | Không | Như trên |
| 23 | Cung cấp thông tin về dự án đầu tư | Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị. | Như trên | Theo từng nội dung thông tin được cung cấp. | Như trên |
| 24 | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp | Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--------------------|-------------|----------------|
| | tục áp dụng ưu đãi đầu tư | | | | |
| 25 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Ban Quản lý KKT tỉnh. | Như trên | Không | Như trên |
| | Ban Quản lý | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 25 ngày đối với dự án quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư và trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan đối với dự án quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư, Ban Quản lý KKT tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư. | | | |
| 26 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý KKT tỉnh gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý KKT tỉnh, các cơ quan được xin ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận | Như trên | Không | Như trên |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|---------------------------------------|---|---|--------------------|-------------------------|--|
| | | được ý kiến thẩm định, Ban Quản lý KKT tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. | | | |
| II LĨNH VỰC LAO ĐỘNG (06 TTHC) | | | | | |
| 1 | Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 480.000 đồng/giấy phép. | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012. - Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--------------------|-------------------------|---|
| | | | | | <p>lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh trên địa bàn Hà Tĩnh. |
| 2 | Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 360.000 đồng/giấy phép. | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012. - Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 11/2016/NĐ- |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|--------------------|-------------|---|
| | | | | | <p>CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.</p> <p>- Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh trên địa bàn Hà Tĩnh.</p> |
| 3 | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | <p>- Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012.</p> <p>- Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------------|---|--------------------|-------------|---|
| | | | | | <p>Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số</p> |
| | | | | | <p>35/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ Công thương quy định việc xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới không thuộc diện cấp giấy phép lao động.</p> |
| 4 | Thu hồi Giấy phép lao động | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | <p>- Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012.</p> <p>- Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|--------------------|-------------|--|
| | | | | | <p>phù quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam</p> |
| 5 | Đăng ký Nội quy lao động của doanh nghiệp | <p>Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký nội quy lao động, nếu nội quy lao động có quy định trái với pháp luật thì Ban Quản lý KKT tỉnh thông báo, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung và đăng ký lại chuyển đến trực tiếp (hoặc gửi qua Trung tâm Hành chính công tỉnh) gửi cho người sử dụng lao động.</p> <p>Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.</p> | Như trên | Không | <p>- Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số nội dung của Bộ Luật lao động.</p> |
| 6 | Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | - Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---------------------------|---------------------|--------------------|-------------|---|
| | tập thời hạn dưới 90 ngày | | | | <p>nước ngoài theo hợp đồng năm 2006.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. |
| | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|--|--|---|--------------------|---------------------------|---|
| III LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI (05 TTHC) | | | | | |
| 1 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 3.000.000 đồng/giấy phép. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|--|---|--------------------|---------------------------|---|
| | | | | | chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| 2 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 1.500.000 đồng/giấy phép. | Như trên |
| 3 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 1.500.000 đồng/giấy phép. | Như trên |
| 4 | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | 1.500.000 đồng/giấy phép. | Như trên |
| 5 | Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Như trên | Không | Như trên |
| IV | LĨNH VỰC XÂY DỰNG (04 TTHC) | | | | |
| 1 | Cấp Giấy phép xây dựng cho công | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | 130.000 đồng/giấy phép | - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---------------------|--------------------|-------------|---|
| | trình thuộc dự án (Đối với công trình không thuộc khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) | | | | 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng; - Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--------------------|-----------------------|---|
| | | | | | phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. - Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh. |
| 2 | Điều chỉnh Giấy phép xây dựng cho công trình thuộc dự án | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | 15.000 đồng/giấy phép | Như trên |
| 3 | Gia hạn Giấy phép xây dựng cho công trình thuộc dự án | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | 15.000 đồng/giấy phép | Như trên |
| 4 | Cấp lại Giấy phép xây dựng cho công trình thuộc dự án | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Như trên | 15.000 đồng/giấy phép | Như trên |
| V | LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (01 TTHC) | | | | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Cơ sở pháp lý | | | | | | | | | | |
|-----------------------|--|--|--------------------|--|---------------|-----------------------|----------|-----------|---------------------|-----------|-----------------------|-----------|-----------------|-----------|---|
| I | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nhu trên | <p>- Phí thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất. + Đất làm nhà cho tổ chức: 500.000 đồng/hồ sơ. + Đất sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh.</p> <table border="1" data-bbox="1042 479 1201 966"> <thead> <tr> <th data-bbox="1042 479 1118 577">Nội dung</th> <th data-bbox="1118 479 1201 577">Mức thu (đồng/ hồ sơ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="1042 577 1118 629">Dưới 1ha</td> <td data-bbox="1118 577 1201 629">1.000.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1042 629 1118 743">Từ 1ha đến dưới 5ha</td> <td data-bbox="1118 629 1201 743">2.000.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1042 743 1118 870">Từ 5ha đến dưới 10 ha</td> <td data-bbox="1118 743 1201 870">3.000.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1042 870 1118 966">Từ 10ha trở lên</td> <td data-bbox="1118 870 1201 966">5.000.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung | Mức thu (đồng/ hồ sơ) | Dưới 1ha | 1.000.000 | Từ 1ha đến dưới 5ha | 2.000.000 | Từ 5ha đến dưới 10 ha | 3.000.000 | Từ 10ha trở lên | 5.000.000 | <p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</p> |
| Nội dung | Mức thu (đồng/ hồ sơ) | | | | | | | | | | | | | | |
| Dưới 1ha | 1.000.000 | | | | | | | | | | | | | | |
| Từ 1ha đến dưới 5ha | 2.000.000 | | | | | | | | | | | | | | |
| Từ 5ha đến dưới 10 ha | 3.000.000 | | | | | | | | | | | | | | |
| Từ 10ha trở lên | 5.000.000 | | | | | | | | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *usct*